

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm công nghệ cao tại xã Thành Long, huyện
Thạch Thành của Công ty cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi vịt công nghệ cao tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành; Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi vịt công nghệ cao tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành, (trong đó, chấp thuận điều chỉnh tên dự án thành “Trang trại chăn nuôi gia cầm công nghệ cao”);

Xét Văn bản số 505/STNMT-BVMT ngày 19/01/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Trang trại chăn nuôi vịt công nghệ cao tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần đầu tư Thuận Thành Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 738/Tr-STNMT ngày 04/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm công nghệ cao (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm công nghệ cao của Công ty cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát thực hiện tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Thành Long (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trang trại chăn nuôi gia cầm công nghệ cao tại xã Thành Long, huyện
Thạch Thành của Công ty cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi gia cầm công nghệ cao tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Thuận Thành Phát.
- + Đại diện: Ông Nguyễn Thanh Thuận; Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ trụ sở: HH06-12A Vinhomes Star City, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi dự án: Khu đất thực hiện dự án thuộc địa giới hành chính của xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích 160.620,0m² (khoảng là 16,06ha).
- Quy mô của dự án: Trên tổng diện tích khu đất thực hiện dự án được bố trí 02 khu riêng biệt, gồm:
 - + Khu số 1 (Giai đoạn 1 của dự án với diện tích 7,07 ha): Chăn nuôi gà;
 - + Khu số 2 (Giai đoạn 2 của dự án với diện tích 8,99 ha): Chăn nuôi vịt.
- Công suất chăn nuôi: Khu số 1 với công suất chăn nuôi gà thịt là 550.000 con/năm (05 lứa/năm) và Khu số 2 với công suất chăn nuôi vịt thịt là 330.000 con/năm (05 lứa/năm).
- Công suất khai thác nước ngầm 260 m³/ngàyđêm.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình:
 - + Đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật: San nền; đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng; cây xanh,...
 - + Trên tổng diện tích khu đất thực hiện dự án được bố trí 02 khu riêng biệt và được thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Khu số 1 (Giai đoạn 1 của dự án với diện tích 7,07 ha): Xây dựng các hạng mục công trình 01 tầng, gồm: 14 nhà chuồng nuôi gà thịt (diện tích xây dựng khoảng 22.050 m²); 01 nhà nuôi cách ly (khoảng 1.575 m²); 08 silo cám tự động (khoảng 72 m²); 02 kho cám, dụng cụ, kho vôi, sảnh gia công giao ca (khoảng 528 m²); 02 nhà sát trùng xe cám, công nhân (khoảng 154 m²); 01 nhà sát trùng vòng 01, nhà bếp (khoảng 140 m²); 01 nhà cách ly, nhà nghỉ ca, ăn ca (khoảng 105 m²); 01 nhà điều hành, kỹ thuật (khoảng 197 m²); 01 nhà để xe (khoảng 40 m²); 02 nhà

bảo vệ (khoảng 40 m²); 01 nhà để máy phát điện (khoảng 23 m²); khu xử lý chất thải và các công trình hạ tầng, kỹ thuật phụ trợ khác.

Khu số 2 (Giai đoạn 2 của dự án với diện tích 8,99 ha): Xây dựng các hạng mục, công trình 01 tầng sau: 07 nhà chuồng nuôi vịt ngoại (diện tích xây dựng khoảng 11.550 m²); 01 nhà nuôi cách ly (khoảng 1.650 m²); 08 silo cám tự động (khoảng 72 m²); 02 kho cám, dụng cụ, kho vôi, sảnh gia công (khoảng 528 m²); khu xử lý chất thải và các công trình hạ tầng, kỹ thuật phụ trợ khác.

- *Các hoạt động của dự án đầu tư:*

+ Chăn nuôi gà thịt với mô hình trại khép kín, quy mô 550.000 con gà thịt/năm (05 lứa/năm).

+ Chăn nuôi vịt thịt với mô hình trại khép kín, quy mô 330.000 con vịt thịt/năm (05 lứa/năm).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án thực hiện tại xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, căn cứ vào nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4, Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại ảnh hưởng đến hệ thống, cảnh quan, môi trường khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động chăn nuôi tại các chuồng nuôi gia cầm.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân; hoạt động vệ sinh dụng cụ chăn nuôi; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: thức ăn, hóa chất, thuốc thú y; hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Hoạt động xử lý phân và nước thải, xử lý mùi phát sinh.

- Các hoạt động trên có phát sinh nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, mùi hôi. Các hoạt động này có nguy cơ gây ô nhiễm nước dưới đất, ô nhiễm môi trường đất, sự cố hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,2 m³/ngày, trong đó: Nước thải vệ sinh khoảng 0,8 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 1,1 m³/ngày; nước thải ăn uống khoảng 0,3m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải xây dựng và nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 3,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm cặn lơ lửng, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có khoảng 0,88 m³/s. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng và xây dựng các công trình phục vụ chăn nuôi tại trang trại, các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, phát sinh: bụi và khí thải (CO, SO₂, NO₂ và chất hữu cơ dễ bay hơi), tác động chủ yếu đến các hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, các hộ dân tiếp giáp dự án, các cơ quan tiếp giáp dự án.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 22,0 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Thực vật phát quang phát sinh là 22,27 tấn;

- Đất đào, bóc hạ cos nền: 47.422m³.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông vỡ, đá, sắt thép có tổng khối lượng 4.313 kg; trong đó: Đất, đá, cát, rơi vãi, bê tông vỡ gạch vỡ là 3.450 kg; Sắt, thép, ống nhựa, que hàn, ván gỗ, ...là 863kg.

- Bao bì xi măng: 1.487 kg/đợt thi công.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ quá trình giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... Khối lượng ước tính khoảng 187kg/đợt thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh là 317lít/đợt thi công, thành phần chủ yếu là dầu máy thải.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển ảnh hưởng đến các hộ dân hai bên tuyến đường vận chuyển. Các tác động do tiếng ồn diễn ra không liên tục trong thời gian thi công dự án.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân: Lượng nước thải sinh hoạt: $5,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; trong đó nước tắm giặt: $2,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải nhà bếp: $1,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải vệ sinh: $1,0\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải chăn nuôi:

+ Đối với chăn nuôi gà thịt: Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh sau mỗi lần rửa chuồng (phát sinh lần/lứa) là $100\text{m}^3/\text{lứa}$. Thành phần chủ yếu: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, Coliform,...

+ Đối với chăn nuôi vịt thịt: Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh sau mỗi lần rửa chuồng (phát sinh lần/ngày) là $73\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án khoảng $1,17\text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Mùi hôi từ các chuồng nuôi; mùi, khí thải phát sinh từ kho chứa thức ăn; khu ép, chứa phân, khí thải phát sinh từ chuồng nuôi, hầm biogas;

- Bụi từ hoạt động vận chuyển con giống, thức ăn và sản phẩm; Khí thải từ khu vực xử lý nước thải; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Khí thải có thành phần chủ yếu là CO, NO_x, SO₂, NH₃, H₂S;...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt, chăn nuôi:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $60\text{ kg}/\text{ngày}$; thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:

+ Đối với chăn nuôi gà thịt: Khối lượng chất thải (đệm lót sinh học) từ quá trình vệ sinh chuồng nuôi thải ra trong 1 lứa nuôi là $386.700\text{kg}/\text{lứa}$; Khối lượng gà chết $198\text{ kg}/\text{lứa}$; lượng thức ăn rơi vãi $5,5\text{ kg}/\text{ngày}$.

+ Đối với chăn nuôi vịt thịt: Khối lượng phân phát sinh là $7.249\text{ kg}/\text{ngày}$; khối lượng vịt chết $118,8\text{ kg}/\text{lứa}$; lượng thức ăn rơi vãi $18,57\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Bùn thải từ các bể Biogas, mương thoát nước và hồ sinh học khoảng $228,4\text{ m}^3/\text{năm}$;

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên của Dự án có khối lượng $10\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: lá cây, cành cây, chai lọ, giấy...

- Chất thải phát sinh từ quá trình trồng và chăm sóc cây xanh thảm cỏ khoảng $200\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: lá cây rụng, cây khô chết,...

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị,... của dự án có khối lượng khoảng $42\text{ kg}/\text{tháng}$.

Thành phần chủ yếu gồm: bao bì thuốc thú y, vỏ hộp thuốc tiêm cho gà, dụng cụ thú y, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.2.3. Một số tác động do rủi ro, sự cố:

Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, dịch bệnh, sự cố môi trường, sự cố do thiên tai, sự cố hệ thống xử lý nước thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ nhà vệ sinh có khối lượng là $0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần của nước thải này có hàm lượng BOD_5 , COD, N, P cao. Đơn vị thi công thuê 03 nhà vệ sinh di động, đây là công trình được thiết kế dạng Modul nguyên khối, vật liệu Composite. Kích thước: $2500 \times 1.300 \times 1000 \text{ (mm)}$

- Đối với nước từ tắm rửa, giặt giũ với lưu lượng $1,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và dẫn về hố lắng $4,5 \text{ m}^3$, sau đó chảy ra rãnh thoát nước tạm và thoát ra hệ thống khe cạn ở chạy dọc giữa của khu đất.

- Nước thải nhà ăn với lưu lượng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom dẫn về bể tách mỡ dung tích $1,0 \text{ m}^3$ để tách mỡ và lắng cặn, sau đó được thoát ra hệ thống khe cạn ở chạy dọc giữa của khu đất.

b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Xây dựng 01 bể lắng thể tích 6 m^3 để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công.

- Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng nước từ bể lắng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi.

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

- Trước khi thi công sẽ san gạt tạo mặt bằng khu vực thi công, không để các khu vực trũng thấp.

- Che chắn vật liệu rời như đá dăm, cát khi có mưa.

- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa.

- Thu dọn các vật liệu rơi vãi trước khi kết thúc ca thi công, hạn chế các chất rơi vãi bị cuốn theo nước mưa.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước rộng x sâu = $50 \text{ cm} \times 50 \text{ cm}$ dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 50 m .

d. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường nhựa liên xã vận chuyển nguyên liệu với khoảng cách 1 km từ dự án với tần suất 4 lần/ngày và thực hiện khi phát sinh nhiều bụi.

- Công nhân thi công được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (*bao gồm: khẩu trang, kính, mũ, găng tay, ủng, áo, quần...*) khi làm việc tại khu vực công trường thi công. Số lượng bảo hộ lao động là 2 bộ/người/năm.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền.
- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.
- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.
- Vận chuyển nguyên vật liệu rời trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.
- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị và sử dụng các thùng đựng rác loại (5 – 50)lít/thùng, có nắp đậy che chắn, tránh mưa, nắng và không bị động vật xâm phạm; được đặt tại khu lán trại công nhân để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày trên khu vực công trường.
- Hợp đồng với đơn vị thu gom địa phương vận chuyển xử lý với tần suất 1 - 3 ngày/lần.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Đất đào được sử dụng để tôn cao nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực chân đồi trong khu vực dự án; đất, đá thải, gạch,... được sử dụng để san gạt tại các vị trí trống; tiến hành lu lèn chặt để đảm bảo sự tiêu thoát nước tốt tại khu vực dự án.
- Các loại CTR như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
- Sinh khối thực vật phát quang: thân, cành, lá, rễ cây sắn, mía được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đưa đi xử lý.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Tại khu vực lán trại bố trí 03 thùng chứa chất thải lỏng nguy hại có thể tích 50 lít/thùng có nắp đậy, dán nhãn; 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 20 lít lưu giữ chất thải rắn nguy hại: 1 thùng chứa chất thải dính dầu mỡ, 1 thùng

chứa chất thải là pin, ắc quy. Các thùng chứa tập kết tại kho chứa có diện tích khoảng $3,0m^2$ gần khu vực lán trại.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.1.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao sẽ được trang bị nút tai chống ồn.

- Sử dụng đầm cóc để thi công các vị trí tiếp giáp các công trình nhà dân, không sử dụng lu máy, lu rung.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro sự cố môi trường:

- Trang bị tủ thuốc cấp cứu tại lán trại trên công trường để ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Bố trí chỗ ở công nhân đảm bảo vệ sinh để đảm bảo sức khỏe công nhân, hạn chế bệnh tật phát sinh.

- Sử dụng thực phẩm an toàn để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg. Đặt khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Tuân thủ các quy định an toàn giao thông khi vận chuyển nguyên vật liệu.

- Khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công.

4.2. Giai đoạn vận hàn

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải, khí thải

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải riêng biệt; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

Nước mưa và nước thải phát sinh tại Dự án phân dòng như sau:

- Dòng 1:

+ Nước mưa (khu vực trồng cây xanh) → hố ga → hệ thống thoát nước → Khe cạn chảy dọc giữa khu đất.

+ Nước mưa (xung quanh khu vực chuồng nuôi, khu vực vệ sinh rửa xe) → hố ga → hệ thống thoát nước → Ao sinh học → Hồ chứa nước sau xử lý.

- Dòng 2: Nước thải tắm giặt → hố ga → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Ao sinh học → Hồ chứa nước sau xử lý.

- Dòng 3: Nước thải từ quá trình vệ sinh → bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Ao sinh học → Hồ chứa nước sau xử lý.

- Dòng 4: Nước thải nhà ăn → bể tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung → Ao sinh học → Hồ chứa nước sau xử lý.

- Dòng 5: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi → bể Biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Ao sinh học → Hồ chứa nước sau xử lý (được tận dụng một phần tưới cây, tưới đường và một phần thải ra khe cạn chạy dọc khu đất).

Dự án bố trí 02 khu xử lý nước thải và áp dụng công nghệ xử lý giống nhau. Công suất xử lý nước thải của mỗi một khu là 100 m³/ngày.đêm và được thể hiện qua sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án như sau:

Nước thải sinh hoạt, chăn nuôi → Bể thu gom → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Ao sinh học → Khử trùng, hồ chứa nước sau xử lý (tận dụng vào quá trình tưới cây xanh và một phần thải ra Khe cạn chạy dọc khu đất).

Nước thải dự án sau khi được xử lý Quy chuẩn QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B) được tận dụng một phần vào quá trình tưới cây xanh và một phần thải ra Khe cạn chạy dọc khu đất. Ngoài ra, để ứng phó sự cố hư hỏng hệ thống xử lý nước thải, dự án bố trí hồ sự cố với diện tích 500m², sâu 2,0m. Kết cấu đảm bảo chống thấm, để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, sau khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa, khắc phục, toàn bộ nước thải tại hồ sự cố được bơm lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

4.2.2. Các biện pháp công trình giảm thiểu bụi và khí thải:

- Đối với khí thải từ khu vực các dãy chuồng nuôi:

+ Lắp đặt hệ thống làm mát cho các dãy chuồng nuôi, lắp đặt hệ thống quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi để khu vực chuồng nuôi được thoáng mát. Phía sau hệ thống quạt hút của khu chuồng nuôi bố trí buồng xử lý khí thải và lắp đặt hệ thống giàn phun sương từ trên xuống để dập bụi và giảm thiểu mùi hôi, khí thải từ khu vực chuồng nuôi (dung dịch phun sương có chứa chế phẩm EM).

+ Vệ sinh khu vực chuồng nuôi sạch sẽ, tránh để ứ đọng chất thải trong chuồng nuôi; Thu gom và xử lý triệt để chất thải (phân vịt) phát sinh hàng ngày về bể thu gom để qua máy ép phân;

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực xử lý nước thải như: bể tự hoại, hồ sinh học và xung quanh khu vực trang trại;

+ Thường xuyên phun chế phẩm sinh học xung quanh khu vực chuồng trại, khu ép và chứa phân, hệ thống xử lý nước thải và bổ sung men vi sinh cho hồ sinh học để giảm mùi hôi.

- Đối với hoạt động vận chuyển: Sử dụng xe chuyên dụng và thực hiện che kín thùng vận chuyển để đảm bảo mùi và khí thải ít ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.2.3. Các biện pháp công trình giảm thiểu chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 50 thùng chứa các loại từ có dung tích (5 – 50) lít/thùng, có nắp đậy. Các loại chất thải rắn được phân loại tài nguồn, CTR có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp,... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn; các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng và hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi:

+ Chất thải rắn từ chuồng nuôi gà phát sinh từ quá trình dọn vệ sinh sau mỗi đợt nuôi (hỗn hợp gồm: lớp đệm lót sinh học, phân gà, trấu, lông gà) được thu gom vào các bao chứa và bán cho các nhà máy sản xuất phân bón trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Chất thải rắn từ chuồng nuôi vịt (gồm phân và lông vịt): Sau khi hỗn hợp phân - nước được đưa qua hệ thống máy ép phân, phân được công nhân thu gom lưu chứa, ủ tại nhà chứa phân và bán cho các cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ;

+ Xác gia cầm chết: Đối với gia cầm chết không do dịch bệnh được vận chuyển về khu vực lò đốt xác và khu vực hồ huỷ xác, hồ huỷ xác cụ thể: khu chôn xác gia cầm chết có diện tích 16 m²/hố và sâu 2m, Quy trình chôn lấp thực hiện theo QCVN 01 - 41:2011/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; Đối với gia cầm chết do dịch bệnh được chủ đầu tư thực hiện khử khuẩn và tiến hành các biện pháp vệ sinh phòng dịch theo quy định hiện hành, kịp thời báo cáo với cơ quan chuyên môn về vệ sinh thú y để xử lý theo quy định.

- Bùn từ quá trình xử lý nước định kỳ (1 năm/lần) thuê đơn vị có chức năng hút, tận ủ bón cho cây xanh trong khuôn viên.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên và khu vực trồng trồng cây xanh của Dự án chủ yếu là lá cây được đưa đến khu vực trồng cây xanh, thảm cỏ để tự phân huỷ; tăng tần suất tưới cây xanh, thảm cỏ tại khu vực trồng cây vào những ngày nắng nóng tạo ẩm để tránh xảy ra sự cố cháy nổ tại khu vực Dự án. Đối với vỏ chai lọ, giấy,... rơi vãi trong khuôn viên Dự án được thu gom riêng và lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng tại các khu vực trong Dự án.

4.2.4. Các biện pháp công trình giảm thiểu CTNH:

- Đối với chất thải rắn phát sinh (giẻ lau chùi máy móc dính dầu, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, vỏ vaccine, bao bì thuốc BVTV,...): được thu gom vào các thùng chứa dung tích 20 lít/thùng

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.5. Các biện pháp công trình ứng phó sự cố:

- Sự cố dịch bệnh: bố trí 02 khu nhà cách ly gia cầm bị ốm, chết cách biệt trong khu vực riêng, tập trung gia cầm bị bệnh để dễ điều trị, tránh lây lan sang gia cầm khỏe; thường xuyên phun thuốc diệt côn trùng toàn bộ khu vực trang trại; tăng cường các biện pháp diệt chuột (sử dụng bả sinh học, đặt bẫy, nuôi mèo...) và các loài như: chim, côn trùng,...từ khu vực khác đến; thường xuyên vệ sinh thú y, khử trùng đối với người và các phương tiện ra vào trại,...

- Sự cố do hư hỏng hệ thống xử lý khí thải và nước thải: Thường xuyên kiểm tra các hệ thống xử lý; bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống XLNT tập trung dừng hoạt động và bơm nước sang hồ sự cố để chứa, sau khi khắc phục xong sự cố hư hỏng sẽ bơm ngược nước từ hồ sự cố quay lại hệ thống XLNT tập trung để xử lý; nếu hầm biogas gặp sự cố sẽ khóa van dẫn nước vào biogas để sửa chữa, khắc phục, cho đường nước chuyển sang hồ sự cố để chứa sau khi khắc phục sự cố bơm nước từ hồ sự cố về biogas để xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường đối với nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải tại hồ chứa nước sau xử lý trước khi thoát ra môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B).

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu

sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.